

CHÍNH SÁCH VỀ CƠ CẤU VỐN, QUẢN LÝ NỢ PHẢI TRẢ VÀ CỔ TỨC

(Trích yếu từ Quy chế Quản trị tài chính của Công ty Cổ phần Thành Thành Công – Biên Hòa ban hành tháng 12/2025)

A. XÁC LẬP CƠ CẤU VỐN (trích Mục VI.4.3 Quy chế Quản trị tài chính)

1. Cơ cấu vốn phản ánh tỷ lệ giữa nợ phải trả và vốn chủ sở hữu trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp.
2. Mục tiêu của việc xác lập cơ cấu vốn
 - a. Tối ưu hóa chi phí sử dụng vốn (WACC);
 - b. Đảm bảo khả năng thanh toán và tính bền vững;
 - c. Tăng cường khả năng tiếp cận thị trường tài chính;
 - d. Hỗ trợ thực thi chiến lược kinh doanh - đầu tư;
 - e. Giữ vững quyền kiểm soát doanh nghiệp (tránh pha loãng).
3. Trách nhiệm xác lập cơ cấu vốn
 - a. HĐQT: Phê duyệt định hướng chiến lược về cơ cấu vốn toàn Tập đoàn, xem xét, quyết định tỷ lệ vốn vay/vốn chủ theo từng thời kỳ, thông qua các chính sách huy động và sử dụng vốn có rủi ro hoặc giá trị lớn;
 - b. Ban TGD Tập đoàn: Chỉ đạo xây dựng phương án cơ cấu vốn hằng năm, trung hạn, trình HĐQT phê duyệt hoặc quyết định trong phạm vi phân quyền;
 - c. ĐVPT Nguồn vốn tại Công ty Mẹ: Là đơn vị đầu mối chủ trì xây dựng, đề xuất phương án xác lập cơ cấu vốn bao gồm: tỷ lệ nợ và vốn chủ sở hữu, phân bổ theo nguồn ngắn hạn, dài hạn, nội bộ - bên ngoài và tối ưu chi phí vốn và đảm bảo thanh khoản; phân tích hiệu quả tài chính, rủi ro và đề xuất cơ cấu phù hợp với từng giai đoạn phát triển; định kỳ rà soát, cập nhật cơ cấu vốn theo tình hình thực tế; hướng dẫn, tổng hợp nhu cầu vốn từ các Trung tâm và ĐVTV;
 - d. Các Trung tâm/ĐVTV: Căn cứ định hướng chiến lược, nhu cầu đầu tư, SXKD để đề xuất nhu cầu vốn, phương thức huy động, và chịu trách nhiệm sử dụng vốn hiệu quả, đúng mục đích, và phối hợp theo dõi cơ cấu vốn đơn vị mình.
4. Thời gian xác lập cơ cấu vốn
 - a. Trung hạn và dài hạn: Cơ cấu vốn trung và dài hạn được xác lập trong quá trình xây dựng kế hoạch tài chính 03-05 năm và chiến lược phát triển của Tập đoàn. Định kỳ cập nhật hoặc khi có thay đổi lớn (biến động thị trường vốn, chính sách tài chính, chiến lược M&A, v.v.);
 - b. Định kỳ hằng năm: Việc xác lập và rà soát cơ cấu vốn phải thực hiện định kỳ hằng năm, gắn liền với kế hoạch tài chính và kế hoạch sản xuất kinh doanh. Thời gian thực hiện: trong giai đoạn lập kế hoạch tài chính năm, thường từ quý IV năm trước;
 - c. Bất thường: Cơ cấu vốn có thể được rà soát và điều chỉnh đột xuất khi phát sinh sự kiện lớn như biến động lãi suất mạnh, huy động vốn quy mô lớn (IPO, trái phiếu, M&A), các rủi ro tài chính phát sinh ngoài kế hoạch.

B. QUẢN LÝ NỢ PHẢI TRẢ VÀ NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH (trích mục VI.4.6 Quy chế Quản trị Tài chính)

1. Mục đích và phạm vi: Đảm bảo tuân thủ nghĩa vụ thanh toán, kiểm soát rủi ro thanh khoản, duy trì uy tín tín dụng, và tối ưu hóa chi phí tài chính.

2. Phân loại nợ phải trả và nghĩa vụ tài chính

- a. Nợ phải trả ngắn hạn: Các khoản phải thanh toán trong vòng 12 tháng;
- b. Nợ phải trả dài hạn: Các khoản vay, thuê tài chính, trái phiếu, và cam kết thanh toán có kỳ hạn trên 12 tháng;
- c. Nghĩa vụ tài chính khác: Bảo lãnh, cam kết đầu tư, thuế phải nộp, quỹ phải trích lập, chi phí phải trả và các nghĩa vụ tiềm tàng khác.

3. Nguyên tắc quản lý

- a. Mọi khoản nợ phải trả phải được ghi nhận đầy đủ, đúng kỳ, đúng đối tượng và phản ánh đúng bản chất giao dịch.
- b. Việc thanh toán phải đúng hạn, đúng mục đích và trong phạm vi ngân sách, phân cấp phê duyệt.
- c. Các phát sinh hoặc gia hạn nghĩa vụ tài chính có thể vượt ngoài thẩm quyền phê duyệt được quy định phải được chuyển đến CTQ cao hơn.
- d. Dữ liệu công nợ và nghĩa vụ tài chính phải được quản lý tập trung trên hệ thống ERP.
- e. Các nghĩa vụ tài chính ngoài bảng phải được kiểm soát và báo cáo định kỳ như nghĩa vụ tài chính thực tế.

4. Nguyên tắc phê duyệt và phân cấp trách nhiệm

- a. Công ty Mẹ:
 - i. Quản lý tập trung đối với các khoản vay nước ngoài và/hoặc bằng ngoại tệ nhằm kiểm soát rủi ro tỷ giá, kỳ hạn và điều kiện tín dụng liên quốc gia;
 - ii. Phê duyệt hạn mức vay, kỳ hạn, mục đích sử dụng và tài sản đảm bảo (nếu có).
- b. Trung tâm:
 - i. Kiểm soát và phê duyệt đề xuất vay cho ĐVTV cấp 3 trong thẩm quyền được Công ty Mẹ giao;
 - ii. Tổng hợp thông tin tình hình nợ phải trả, thanh khoản và rủi ro tài chính tại Trung tâm/ĐVTV cấp 3;
 - iii. Báo cáo định kỳ hoặc đột xuất lên Công ty Mẹ.
- c. ĐVTV cấp 3 và ĐVTV khác: trực tiếp thực hiện đàm phán, ký kết hợp đồng vay và có trách nhiệm trả nợ đúng hạn, báo cáo tình trạng khoản vay định kỳ hoặc theo yêu cầu lên Trung tâm/Công ty Mẹ.

5. Bảo lãnh nghĩa vụ tài chính

- a. Phạm vi áp dụng: Gồm bảo lãnh vay vốn, bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh L/C, bảo lãnh thực hiện hợp đồng và các hình thức bảo lãnh khác.
- b. Nguyên tắc:
 - i. Bảo lãnh chỉ được thực hiện khi có phương án vay hoặc khi giao dịch được đánh giá là phù hợp chiến lược, đủ điều kiện tín dụng, và có tỷ lệ rủi ro nằm trong ngưỡng kiểm soát.
 - ii. Yêu cầu bảo lãnh phải kèm theo hồ sơ đề xuất, phương án trả nợ, cơ chế kiểm soát sử dụng vốn và tài sản đảm bảo rõ ràng.
 - iii. Mọi yêu cầu bảo lãnh vay vốn, bảo lãnh thanh toán, phát hành L/C, v.v. phải được Đơn vị bảo lãnh xem xét, quyết định.
- c. Phê duyệt và thu hồi:
 - i. HĐQT hoặc Ban TGD Công ty Mẹ là cấp phê duyệt cuối cùng.

- ii. Đơn vị bảo lãnh có thể từ chối bảo lãnh mới/gia hạn bảo lãnh nếu Đơn vị nhận bảo lãnh vi phạm thỏa thuận tín dụng, không gửi báo cáo đúng hạn hoặc phát sinh rủi ro hệ thống.
- d. Giám sát thực hiện:
 - i. ĐVPT Nguồn vốn của Công ty Mẹ chịu trách nhiệm tổng hợp thông tin báo cáo từ Trung tâm và ĐVTV khác để rà soát, đánh giá rủi ro tín dụng, đối chiếu và tổng hợp báo cáo giám sát toàn Tập đoàn trình TGD/CTQ và HĐQT.
 - ii. ĐVPT Nguồn vốn của Trung tâm tổng hợp báo cáo của ĐVPT Nguồn vốn của Trung tâm và ĐVTV cấp 3 về tình trạng nghĩa vụ được bảo lãnh hàng tháng (bao gồm nhưng không giới hạn: số dư, kỳ hạn, lãi suất, biến động tài sản đảm bảo và cam kết hoàn trả) và gửi cho ĐVPT Nguồn vốn của Công ty Mẹ.
 - iii. ĐVPT Nguồn vốn của ĐVTV khác gửi báo cáo trực tiếp tình trạng nghĩa vụ được bảo lãnh hàng tháng (bao gồm nhưng không giới hạn: số dư, kỳ hạn, lãi suất, biến động tài sản đảm bảo và cam kết hoàn trả) cho ĐVPT Nguồn vốn của Công ty Mẹ.
- 6. Thiết lập và quản lý hạn mức tín dụng nội bộ
 - a. Việc thiết lập hạn mức tín dụng nội bộ nhằm kiểm soát rủi ro và luồng vốn luân chuyển giữa các đơn vị trong hệ thống Tập đoàn.
 - b. Nguyên tắc thiết lập
 - i. Dựa trên kế hoạch tài chính, hiệu quả sử dụng vốn, khả năng trả nợ và mức độ rủi ro tài chính của từng ĐVTV.
 - ii. Hạn mức được rà soát định kỳ (06 tháng/lần) và có thể điều chỉnh linh hoạt theo biến động thị trường.
 - c. Phân cấp phê duyệt
 - i. Công ty Mẹ quyết định toàn bộ hạn mức tín dụng nội bộ.
 - ii. Việc điều chuyển vốn chỉ được thực hiện khi có quyết định bằng văn bản hoặc phê duyệt trên hệ thống.
 - d. Giám sát và xử lý vi phạm: Đơn vị vi phạm hạn mức, không sử dụng đúng mục tiêu hoặc chậm hoàn trả sẽ bị tạm ngưng cấp tín dụng và bị đánh giá lại xếp hạng tín dụng nội bộ Tập đoàn.
- 7. Sử dụng công cụ phòng ngừa rủi ro tài chính
 - a. Phạm vi áp dụng: Đối với các khoản vay ngoại tệ, vay lãi suất thả nổi, hoặc nghĩa vụ thanh toán bằng ngoại tệ có rủi ro tỷ giá và lãi suất.
 - b. Công cụ áp dụng
 - i. Hợp đồng kỳ hạn ngoại tệ (forward);
 - ii. Hợp đồng hoán đổi lãi suất (interest rate swap);
 - iii. Hợp đồng hoán đổi tiền tệ (currency swap);
 - iv. Các công cụ khác tuân thủ quy định của pháp luật.
 - c. Nguyên tắc sử dụng
 - i. Chỉ được triển khai khi có đánh giá rủi ro cụ thể và phương án sử dụng công cụ phòng ngừa rủi ro được phê duyệt;
 - ii. Không đầu cơ dưới hình thức sử dụng công cụ phòng ngừa rủi ro.
 - d. Phê duyệt và thực hiện

- i. Tại Công ty Mẹ
 - ĐVPT Nguồn vốn là đầu mối đánh giá rủi ro tỷ giá và lãi suất, xây dựng phương án phòng ngừa rủi ro và đề xuất loại công cụ, đối tác giao dịch, hạn mức, kỳ hạn, chi phí liên quan;
 - Lãnh đạo phụ trách Tài chính xem xét, thẩm định và trình TGD phê duyệt trước khi ký kết hợp đồng với các ngân hàng thương mại, tổ chức tài chính, tổ chức trung gian tài chính hoặc đối tác quốc tế có đủ điều kiện pháp lý;
 - ĐVPT Nguồn vốn theo dõi định kỳ hiệu quả và trạng thái các hợp đồng, đánh giá mức độ phòng ngừa rủi ro và báo cáo TGD, HĐQT định kỳ hoặc khi có biến động lớn về lãi suất, tỷ giá.
- ii. Tại ĐVTV: ĐVPT TCKT chịu trách nhiệm cung cấp dữ liệu dự báo dòng tiền, tỷ giá, lãi suất và nhu cầu phòng ngừa rủi ro cho ĐVPT Nguồn vốn tại Công ty Mẹ.

C. CỔ TỨC (trích một phần Mục VI.10.2 về Nguyên tắc phân phối lợi nhuận trong Quy chế Quản trị tài chính)

1. Nguyên tắc phân phối lợi nhuận

- a. Phân phối lợi nhuận phải đảm bảo đầy đủ điều kiện pháp lý (không có lỗ lũy kế, không vi phạm nghĩa vụ tài chính, Báo cáo tài chính đã kiểm toán);
- b. Phải ưu tiên sử dụng lợi nhuận để: (i) bù đắp lỗ lũy kế (nếu có), (ii) bổ sung vốn lưu động, (iii) trích lập các quỹ dự phòng, (iv) phục vụ đầu tư và phát triển, sau đó mới được xem xét chia cổ tức;
- c. Việc phân phối cần đảm bảo duy trì mức thanh khoản an toàn, không ảnh hưởng đến kế hoạch đầu tư, sản xuất kinh doanh đã được phê duyệt;
- d. Trường hợp có các ràng buộc về dòng tiền, hợp đồng tín dụng, nghĩa vụ thuế hoặc cam kết pháp lý, đơn vị phải báo với Công ty Mẹ để được hướng dẫn xử lý.

2. Thực hiện phân phối lợi nhuận:

[...]

b. Cổ tức

- i. Đối với Công ty Mẹ: việc chi trả cổ tức tiền mặt và/hoặc cổ tức cổ phiếu do ĐHĐCĐ quyết định. HĐQT sẽ đề xuất mức chi trả cổ tức theo nguyên tắc sau:
 - Tổng lợi nhuận chia cổ tức phải nhỏ hơn hoặc bằng tổng lợi nhuận chưa phân phối;
 - Công ty Mẹ vẫn đảm bảo nhu cầu vốn cho các kế hoạch đầu tư và kinh doanh sau khi chi trả cổ tức.
- ii. Đối với ĐVTV: định kỳ hằng năm, mức chi trả cổ tức cho cổ đông theo nguyên tắc sau:
 - ĐVTV căn cứ xem xét của Công ty Mẹ trình đề xuất mức chi trả cổ tức lên cơ quan thẩm quyền của ĐVTV;
 - Tất cả các cổ tức trên sẽ được ĐVTV chi trả theo đúng nghị quyết ban hành.
- c. Lợi nhuận chưa phân phối còn lại: do CTQ quyết định nhằm duy trì mức cổ tức hợp lý giữa các năm.

3. Thẩm quyền và quy trình:

- a. Tại Công ty Mẹ: HĐQT đề xuất phương án phân phối, trình ĐHĐCĐ thông qua. ĐVPT Nguồn vốn tại Công ty Mẹ chủ trì tổng hợp, rà soát và tính toán khả năng tài chính, dòng tiền trước khi đề xuất

- b. Tại các ĐVTV: Đơn vị lập đề xuất phân phối, gửi về Công ty Mẹ để tổng hợp và phản biện trước khi trình CTQ của ĐVTV phê duyệt. Phân phối cổ tức hoặc chia lợi nhuận cho các cổ đông (bao gồm cả Công ty Mẹ) chỉ được thực hiện sau khi được Công ty Mẹ chấp thuận bằng văn bản.

CÁC THUẬT NGỮ VIẾT TẮT:

- Công ty Mẹ: là Công ty Cổ phần Thành Thành Công – Biên Hòa.
- ĐVTV: là viết tắt của Đơn vị thành viên.
- Tập đoàn: Là Công ty Cổ phần Thành Thành công – Biên Hòa, Trung tâm, ĐVTV cấp 3 và ĐVTV khác.
- ĐHĐCĐ: là viết tắt của Đại hội đồng cổ đông.
- HĐQT: là viết tắt của Hội đồng Quản trị Công ty Mẹ.
- TGD: là viết tắt của Tổng Giám đốc Công ty Mẹ.
- CTQ: là viết tắt của Cấp thẩm quyền.
- ĐVPT: là viết tắt của Đơn vị phụ trách.

